



Gia Lai, ngày 14 tháng 08 năm 2018

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI ("V/v sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty")

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty");
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 2306/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico của Công ty ngày 23/6/2018;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 14/8/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty

Căn cứ Điều 8 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 2306/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico của Công ty ngày 23/6/2018, Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua toàn văn Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung theo Phụ lục 1 đính kèm về việc sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty cho phù hợp với Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Căn cứ Điều 9 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 2306/18/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico của Công ty ngày 23/6/2018, Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã được sửa đổi bổ sung phù hợp với Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Điều 3. Ủy quyền

Hội đồng Quản trị giao cho Bà Võ Thị Mỹ Hạnh – Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, công bố Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực và thi hành

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh, Ban giám đốc và các thành viên Hội đồng Quản trị, các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Địa chỉ: Tầng 11, Số 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2222 285 Fax: (+84) 0269 2222 218 Email: hoanganhagrigo@hagl.com.vn

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH




Đoàn Nguyên Đức

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1408/18/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 14/08/2018)

Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Hội đồng Quản trị thống nhất thông qua việc sửa đổi bổ sung một số điều trong điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật cụ thể là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (“**Luật Doanh nghiệp 2014**”), Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (“**Nghị định 71/2017/NĐ-CP**”), Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (“**Thông tư 95/2017/TT-BTC**”). Cụ thể như sau:

STT	Trích điều lệ	Sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Điểm a, d khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ “a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;” “d. "Cán bộ quản lý" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có), thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;	Điểm a, d khoản 1 Điều 1. Giải thích thuật ngữ “a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;” “d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;”	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và Thông tư 95/2017/TT-BTC
2	Khoản 2 Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động “2. Công ty được tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm và phù hợp với Công ty.”	Khoản 2 Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động “2. Công ty được tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm và phù hợp với Công ty.”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
3	Khoản 6 Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập “6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để	Khoản 6 Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập “6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>Cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.”</p>	<p>cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.”</p>	
4	<p>Khoản 2 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu “2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi Chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.”</p>	<p>Khoản 2 Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu “2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
5	<p>Khoản 4 Điều 9. Thu hồi cổ phần “4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.”</p>	<p>Khoản 4 Điều 9. Thu hồi cổ phần “4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
6	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát “Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng Cổ đông; b. Hội đồng Quản trị; c. Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát “Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng Cổ đông; b. Hội đồng Quản trị;</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	d. Tổng giám đốc.”	c. Ban kiểm soát; d. Tổng giám đốc.”	
7	Khoản 1 Điều 11. Quyền của cổ đông “1. Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.”	Khoản 1 Điều 11. Quyền của cổ đông “1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty , có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
8	Điểm e, điểm g khoản 2 Điều 11. Quyền của cổ đông “e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;” “g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;”	Điểm e, điểm g khoản 2 Điều 11. Quyền của cổ đông “e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;” “g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các Cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;” Bổ sung điểm i khoản 2 Điều 11. Quyền của cổ đông “i. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
9	Điểm c, điểm d, điểm f khoản 3 Điều 11. Quyền của cổ đông “c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng Cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh	Điểm c, điểm d, điểm f khoản 3 Điều 11. Quyền của cổ đông “c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân , số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.”	đồng là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính , quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”	
10	Khoản 2 Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông “2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng Cổ đông;”	Khoản 2 Khoản 6 Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông “2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.”	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2014
11	Khoản 3 Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông “3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.”	Khoản 3 Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông “3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
12		Bổ sung khoản 6 Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông “6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

13	<p>Điểm b, điểm c, điểm e khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;”</p> <p>“c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;”</p> <p>“e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.”</p>	<p>Điểm b, điểm c, điểm e khoản 3 Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“b. Các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;”</p> <p>“c. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;”</p> <p>“e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
14	<p>Điểm a khoản 4 Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3 điểm c Điều 13 của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản Error! Reference source not found.3 điểm d và điểm e Điều 13 của Điều lệ này. “</p>	<p>Điểm a khoản 4 Điều 13. Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
15	<p>Điểm a khoản 1 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.”</p>	<p>Điểm a khoản 1 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.”</p>	
16	<p>Điểm d, l, m, o khoản 2 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;”</p> <p>“l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;”</p> <p>“m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;”</p>	<p>Điểm d, l, m, o khoản 2 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;”</p> <p>“l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;”</p> <p>“m. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>“o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;”</p>	<p>“o. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;”</p>	
17	<p>Điểm b khoản 3 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch Chứng khoán.”</p>	<p>Điểm b khoản 3 Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
18	<p>Khoản 1 Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>“1. Các Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện; Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với người ủy quyền là cá nhân hoặc tên, mã số doanh nghiệp, ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;</p> <p>b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Công ty;</p>	<p>Khoản 1 Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>“1. Các Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức để đại diện tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện; Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với người ủy quyền là cá nhân hoặc tên, mã số doanh nghiệp, ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức;</p> <p>b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Công ty;</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền;</p> <p>d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;</p> <p>e. Thời hạn thực hiện đại diện; và</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.”</p>	<p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền;</p> <p>d. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;</p> <p>e. Thời hạn thực hiện đại diện; và</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.”</p>	
19	<p>Khoản 2 Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền</p> <p>“2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.”</p>	<p>Khoản 2 Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền</p> <p>“2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp ;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
20	<p>Khoản 4 Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền</p> <p>“4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc</p>	<p>Khoản 4 Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền</p> <p>“4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.”</p>	<p>uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.”</p>	
21	<p>Khoản 1 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.”</p>	<p>Khoản 1 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
22	<p>Khoản 2 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.”</p>	<p>Khoản 2 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
23	<p>Khoản 3 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các</p>	<p>Khoản 3 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên phương</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>Cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận.”</p>	<p>tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.” 	
24	<p>Khoản 4 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung</p>	<p>Khoản 4 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	đề nghị đưa vào chương trình hợp.”	chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình hợp.”	
25	<p>Khoản 5 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội Cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác.”</p>	<p>Khoản 5 Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“5. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này.</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội Cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
26	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu</p>	<p>Khoản 1, 2, 3 Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“1. Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.”</p>	<p>chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.”</p>	
27	<p>Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“1. Vào thời điểm tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông đã được ấn định, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.”</p>	<p>Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	<p>“3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.”</p>	<p>được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.”</p>	
28	<p>Khoản 6 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“6. Chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.”</p>	<p>Khoản 6 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

29	<p>Khoản 8, 9, 10, 11, 12 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.”</p> <p>“9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia Đại hội.”</p> <p>“10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông; Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <p>Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.”</p> <p>“11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	<p>Khoản 8, 9, 10, 11, 12, 13 Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;”</p> <p>“9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>“10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. <p>“11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền 	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
----	---	---	---

	<p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.”</p> <p>“12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.”</p>	<p>không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.”</p> <p>“12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.”</p> <p>Bổ sung khoản 13 Điều 19</p> <p>“13. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.”</p>	
30	<p>Khoản 2 Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này hoặc Điều lệ này có quy định khác, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trong trường hợp họp trực tiếp, hoặc được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.”</p>	<p>Khoản 2 Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này hoặc Điều lệ này có quy định khác, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

		Giám đốc (Tổng giám đốc)."	
31	Điểm a, b, d Khoản 3 Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông “a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;” “b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;” “d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”	Điểm a, b, d Khoản 3 Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông “a. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán ;” “b. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty ;” “d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán ;”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
32		Bổ sung khoản 5 Điều 20 “5. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
33	Khoản 2 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông “2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, Dự thảo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;”	Khoản 2 Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông “2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

34	<p>Khoản 4 Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời theo các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử; Phiếu lấy ý kiến không do Hội đồng Quản trị phát hành, có các nội dung khác ngoài nội dung lấy ý kiến được thể hiện trong Phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về hoặc được gửi về nhưng không có ý kiến biểu quyết được coi là không tham gia biểu quyết.”</p>	<p>Khoản 4 Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời theo các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử; Phiếu lấy ý kiến không do Hội đồng Quản trị phát hành, có các nội dung khác ngoài nội dung lấy ý kiến được thể hiện trong Phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về hoặc được gửi về nhưng không có ý kiến biểu quyết được coi là không tham gia biểu quyết.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
35	<p>Khoản 7 Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ</p>	<p>Khoản 7 Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	đồng bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông”		
36	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông “1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.”</p> <p>“2. Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông “1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.”</p> <p>“2. Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.”</p>	<p>mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.”</p>	
37		<p>Bổ sung khoản 4 Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
38	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội Cổ đông, Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội Cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông</p> <p>“Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.”</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 và Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	hội đồng Cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.		
39	Điểm d khoản 4 Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị “d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;”	Điểm d khoản 4 Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị “d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng; ” Bổ sung điểm f, g Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị “f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
40	Khoản 2 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị “2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.”	Khoản 2 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị “2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác. ”	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
41	Khoản 3 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị “3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; c. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; d. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu	Khoản 3 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị “3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; c. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; ” d. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

<p>phát hành theo từng loại;</p> <p>e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>f. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác;</p> <p>g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi, miễn nhiệm (nếu có);</p> <p>i. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty</p> <p>l. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>n. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>o. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.”</p>	<p>phát hành theo từng loại;</p> <p>e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>f. Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác;</p> <p>g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng Cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi, miễn nhiệm (nếu có);</p> <p>i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>j. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty</p> <p>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>n. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>o. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p>	
---	--	--

		<p>Bổ sung khoản p, q, r Khoản 3 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“p. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.”</p>	
42	<p>Điểm c, f, i Khoản 4 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua Công ty và liên doanh);”</p> <p>“f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 30.000.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;”</p> <p>“i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;”</p>	<p>Điểm c, f, i Khoản 4 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 135.2 và Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty;”</p> <p>“f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;”</p> <p>“i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
43	<p>Khoản 5 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông</p>	<p>Khoản 5 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	qua.”		
44	<p>Khoản 6 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“6. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.”</p>	<p>Khoản 6 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“6. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành doanh nghiệp đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
45	<p>Khoản 8, khoản 9 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.”</p> <p>“9. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.”</p>	<p>Khoản 8, khoản 9 Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị</p> <p>“8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.”</p> <p>“9. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
46	<p>Khoản 2, 3 Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>“2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm Chủ</p>	<p>Khoản 2, 3 Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>“2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương</p>	Sửa đổi theo Thông tư

	<p>toạ Đại hội đồng Cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;”</p>	<p>trình, tài liệu, triệu tập, và chủ tọa Đại hội đồng Cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;”</p>	95/2017/TT-BTC
47	<p>Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“2. Các cuộc họp thường kỳ và bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường vào thời điểm Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho là thích hợp khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo yêu cầu: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Điều 28.3 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28.3 Điều lệ này có thể tự mình</p>	<p>Khoản 2, 3, 4, 5, 6 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“2. Các cuộc họp thường kỳ và bất thường: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập các cuộc họp bất thường vào thời điểm Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho là thích hợp khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo yêu cầu: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;</p> <p>d. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Điều 28.3 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và những người đề nghị tổ</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình tài chính của Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.”</p>	<p>chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 28.3 Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.”</p>	
48	<p>Khoản 7, 8, 9, 10 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp (trừ trường hợp triệu tập họp bất thường không thể đảm bảo được thời hạn này), các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít</p>	<p>Khoản 7, 8, 9, 10 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung vấn đề thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị và các Kiểm soát viên đã được đăng ký tại Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

<p>nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p>Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có</p>	
---	---	--

	<p>10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân mình là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.”</p>	<p>quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân mình là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.”</p>	
49	<p>Khoản 13 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự bằng điện thoại hoặc các hình thức khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</p>	<p>Khoản 13 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“13. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.”	Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.”	
50	<p>Khoản 15 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“15. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>16. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.”</p>	<p>Khoản 15, 16 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“15. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh và phải có họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản.”</p> <p>“16. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng Quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng Quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.</p> <p>Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng Quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giúp Hội đồng Quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.</p> <p>Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

		trách về nhân sự, lương thưởng.”	
51	<p>Khoản 16 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“16. Giá trị pháp lý của hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.”</p>	<p>Khoản 17 Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>“17. Giá trị pháp lý của hành động: Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
52	<p>CHƯƠNG VIII</p> <p>GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p> <p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <p>“1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.”</p>	<p>CHƯƠNG VIII</p> <p>GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p> <p>Điều 30. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>“1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
53	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p> <p>“1. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p> <p>“1. Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.”</p> <p>“2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.”</p>	<p>mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.”</p> <p>“2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”</p>	
54	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p> <p>“3. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;”</p>	<p>Điểm c Khoản 3 Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p> <p>“3. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng Quản trị quyết định;”</p> <p>Bổ sung Điểm j Khoản 3 Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành</p> <p>“j. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
55	<p>Điều 32. Thư ký Công ty</p> <p>“Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một (01) (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>“1. Hội đồng Quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-

<p>của Hội đồng Quản trị. (Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật). Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị, hỗ trợ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát; 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; tham dự các cuộc họp và làm biên bản các cuộc họp; 3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; 4. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; 5. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp; 6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.”</p>	<p>công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị. <p>3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp; e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty; h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; 	<p>BTC</p>
--	--	------------

		i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”	
56	<p>CHƯƠNG IX</p> <p>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</p> <p>Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>“Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.”</p>	<p>CHƯƠNG IX</p> <p>NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>“Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
57	<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>“1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo</p>	<p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>“1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông

các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp, Kiểm soát viên hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành doanh nghiệp, Kiểm soát viên hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc các Cổ đông cho phép thực hiện.

	tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.”	Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.”	
58	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

59	<p>Khoản 1 Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>“1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông. 	<p>Khoản 1 Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>“1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người điều hành khác của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty. Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng Cổ đông. 	<p>Sửa đổi theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
----	---	--	--

60	<p>Khoản 2, khoản 3 Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>“2. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.”</p> <p>“3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.”</p>	<p>Khoản 2, khoản 3 Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>“2. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.”</p> <p>“3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
----	---	---	---

61	<p>Khoản 5 Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>“5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; <p>b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.” 	<p>Khoản 5 Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>“5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>b. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; - Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.” 	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC
62	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>“1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các</p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát</p> <p>“1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

63	<p>kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý”</p> <p>“2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.</p> <p>“3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.”</p> <p>“4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.”</p>	<p>phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.”</p> <p>“2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức chúng được cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị.”</p> <p>“3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát trở lên dự họp. “</p> <p>“4. Tổng mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác cho các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.”</p>	Sửa đổi theo
	Khoản 1, 2, 3 Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Khoản 1, 2, 3 Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	

	<p>“1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.”</p> <p>“2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.”</p> <p>“3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác, với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.”</p>	<p>“1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 24.2 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.”</p> <p>“2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.”</p> <p>“3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.”</p>	<p>Thông tư 95/2017/TT- BTC</p>
64	<p>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>“Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách</p>	<p>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>“Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành doanh nghiệp và người lao động. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các các vấn đề liên</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT- BTC</p>

	quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.”	quan đến những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành..”	
65	<p>Khoản 4, 5, 6 Điều 40. Phân phối lợi nhuận</p> <p>“4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.”</p> <p>“5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>“6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các</p>	<p>Khoản 4, 5, 6 Điều 40. Phân phối lợi nhuận</p> <p>“4. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>“5. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>“6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách cổ đông</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

	<p>chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.”</p>	
66	<p>Điều 43. Năm tài chính “Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.”</p>	<p>Điều 43. Năm tài chính “Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
67	<p>Khoản 1, khoản 3 Điều 44. Chế độ kế toán “1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.” “3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.”</p>	<p>Khoản 1, khoản 3 Điều 44. Chế độ kế toán “1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.” “3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
68	<p>Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý “2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các</p>	<p>Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý “2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	<p>hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính riêng hàng năm còn phải bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.”</p>	<p>hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính riêng hàng năm còn phải bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng được soát xét và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.”</p>	
69	<p>Khoản 1, 3, 4, 5 Điều 47. Kiểm toán</p> <p>“1. Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán).”</p>	<p>Khoản 1, 3, 4, 5 Điều 47. Kiểm toán</p> <p>“1. Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. “</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>

	<p>“3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.”</p> <p>“4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.”</p> <p>“5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.”</p>	<p>“3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.”</p> <p>“4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.”</p> <p>“5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.”</p>	
70	<p>Khoản 1 Điều 49. Chấm dứt hoạt động</p> <p>“1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Khoản 1 Điều 49. Chấm dứt hoạt động</p> <p>“1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;</p> <p>d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.”</p>	Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT-BTC

71	<p>Khoản 1 Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>“1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Điều lệ do Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là Trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.”</p>	<p>Khoản 1 Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>“1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Điều lệ do Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>a. Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay người điều hành khác.</p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là Trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.”</p>	<p>Sửa đổi theo Thông tư 95/2017/TT- BTC</p>
72	<p>Khoản 1 Điều 54 Ngày hiệu lực</p> <p>Bản điều lệ này gồm XXI chương 54 điều, được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua ngày 19 tháng 09 năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 1 Điều 54 Ngày hiệu lực</p> <p>Bản điều lệ này gồm XXI chương 54 điều, được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2018, Hội đồng Quản trị thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2018, và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	

Gia Lai, ngày 14 tháng 8 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC